CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày 30/06/2025	33,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.4%	**0.4%**	**4.7%**

DT thuần
Q2/25
191
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.00| 5.1%
YoY: ▼2.00| -0.9%

LN thuần
Q2/25
65.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.20| -8.7%
YoY: ▼6.40| -8.9%

LN sau thuế
Q2/25
70.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.10| 6.2%
YoY: ▲ 5.00| 7.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
42.3%
YoY: +/-▲ 2.1%

ROE (TTM)
Q2/25
24.0%
YoY: +/-▲ 1.3%

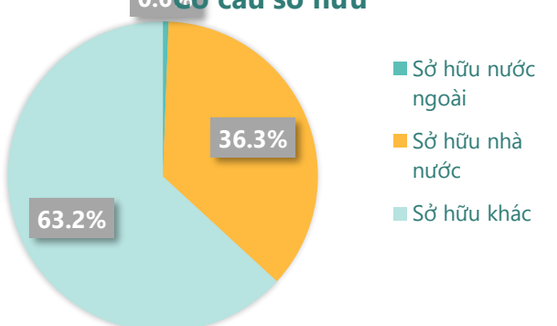
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	28,629 - 34,447
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,340
Số lượng CPLH (CP)	100,007,569
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,260
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.15
EPS	2,592
P/E	12.9

DT thuần
6T 2025
373
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00| -2.0%

LN thuần
6T 2025
137
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0| -7.0%

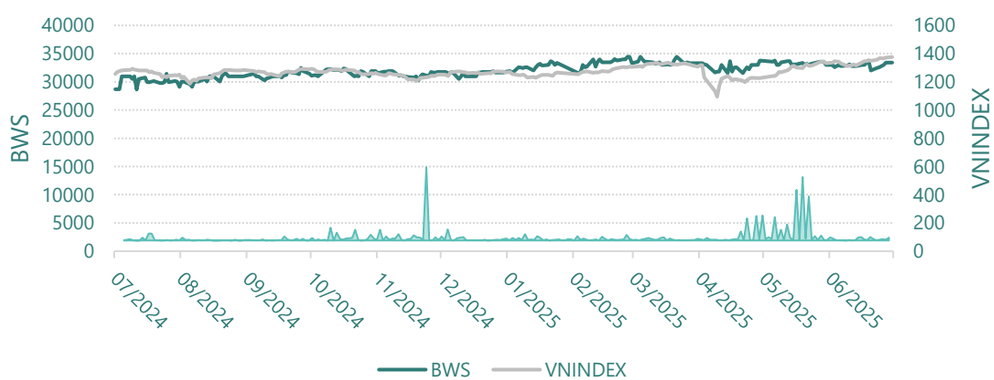
LN sau thuế
6T 2025
137
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.00| 3.0%

Cơ cấu sở hữu

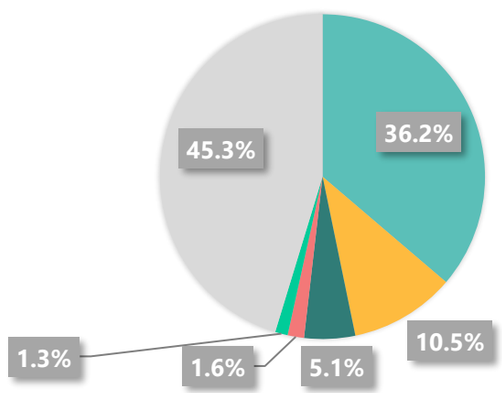


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



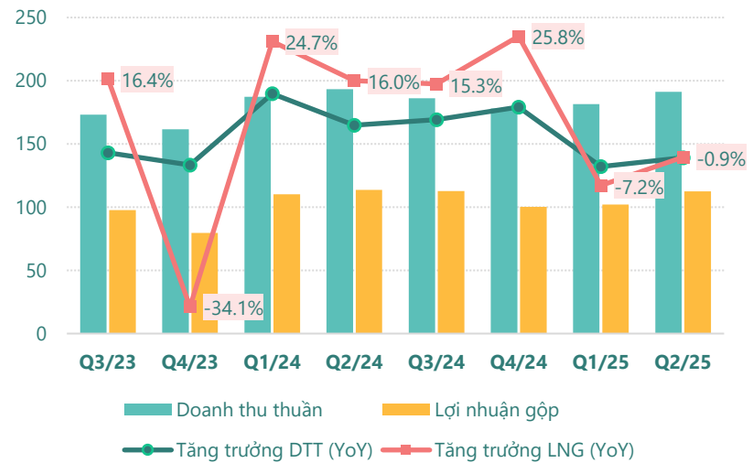
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

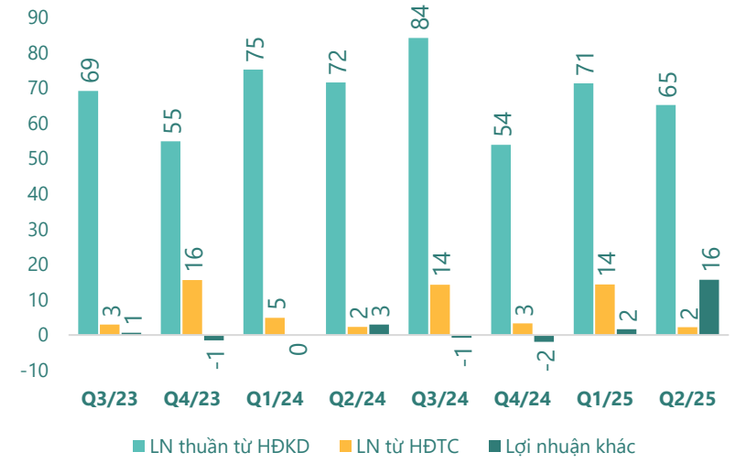
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



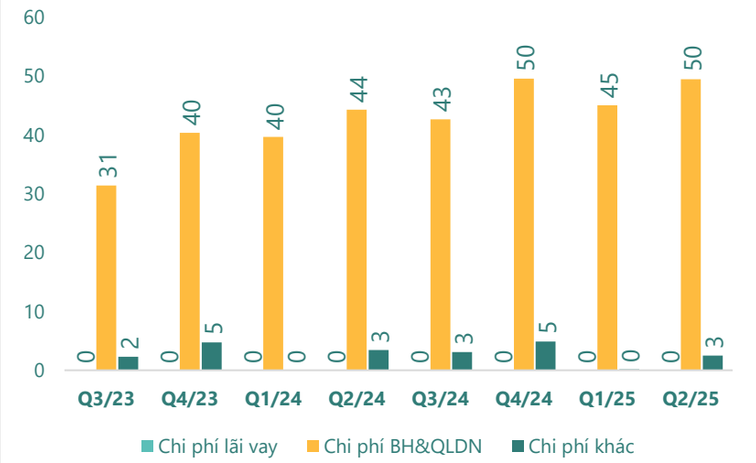
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



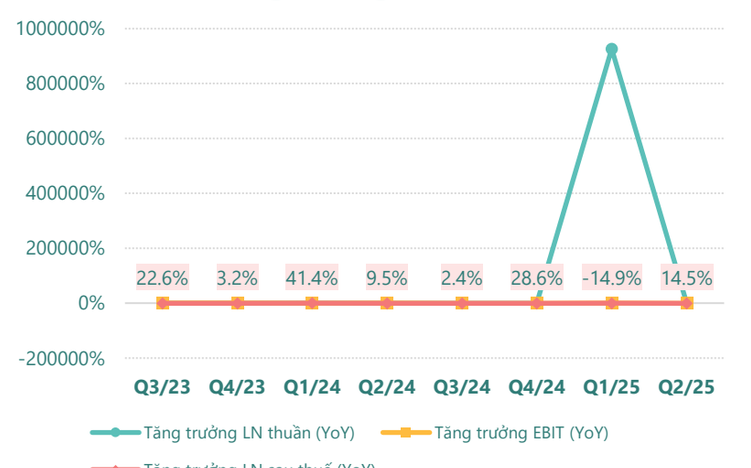
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



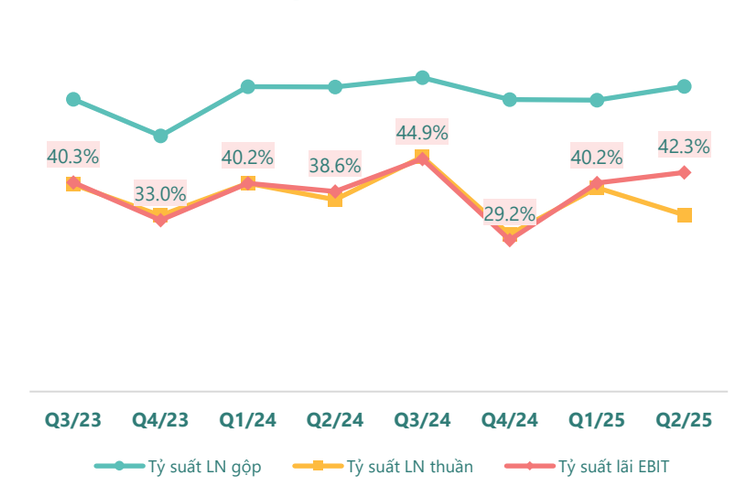
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



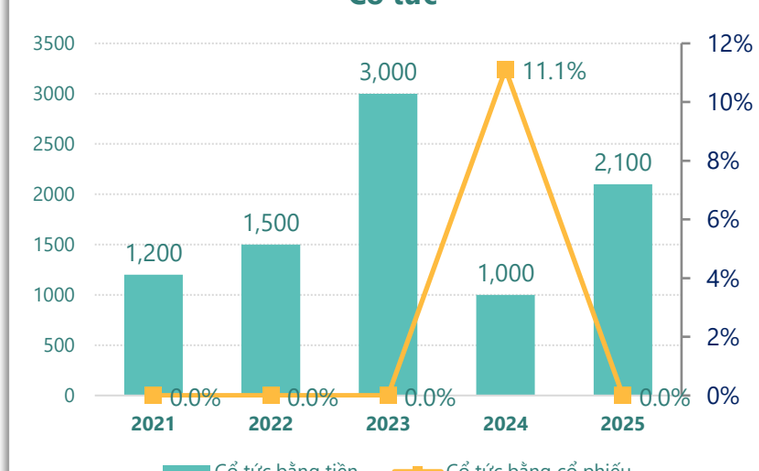
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

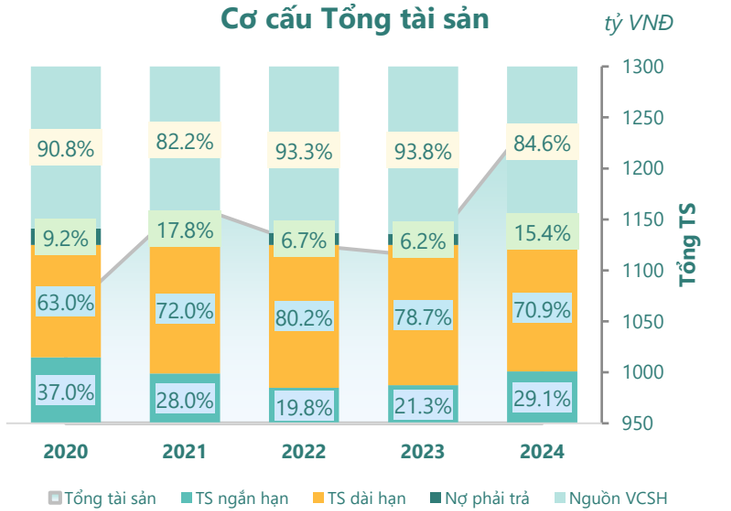
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

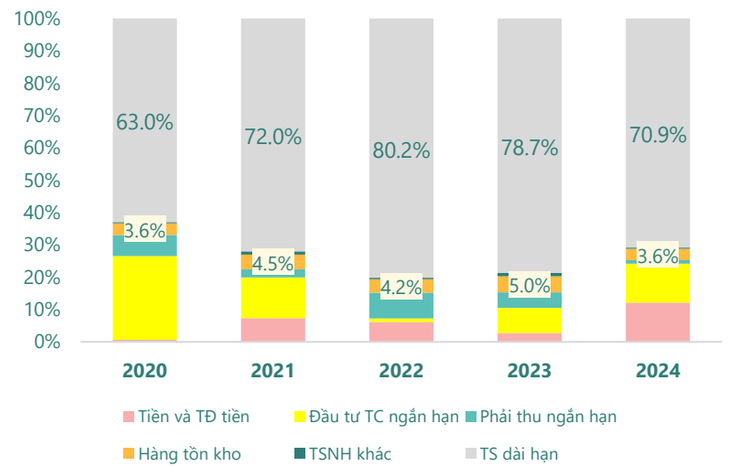
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



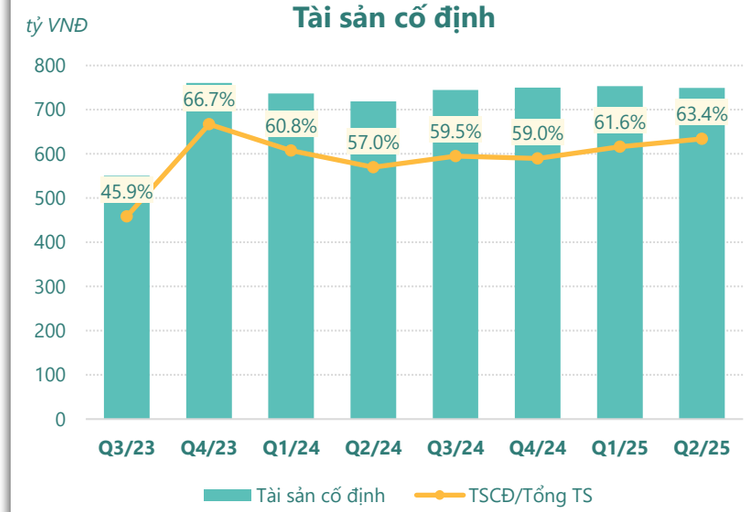
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



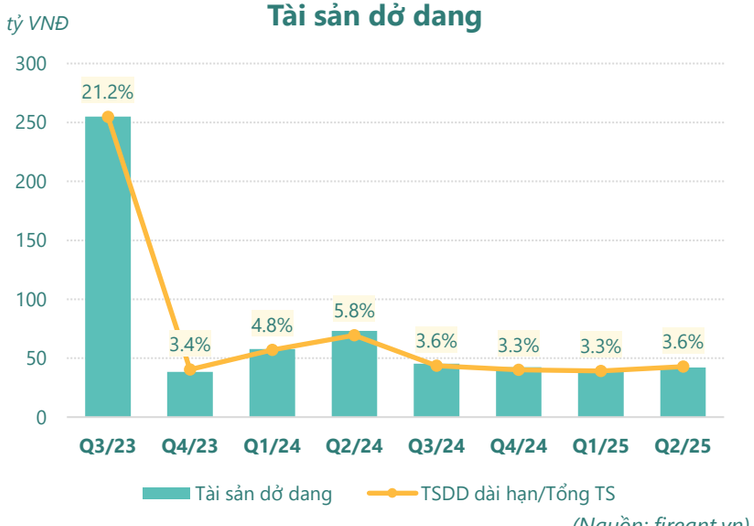
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



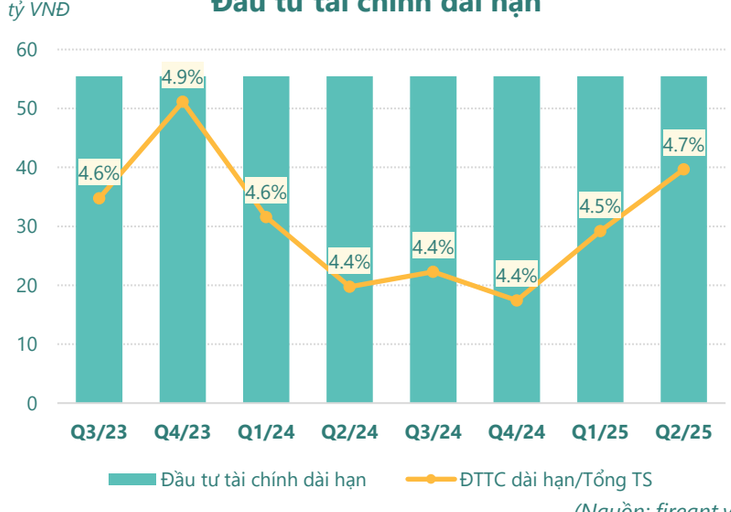
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



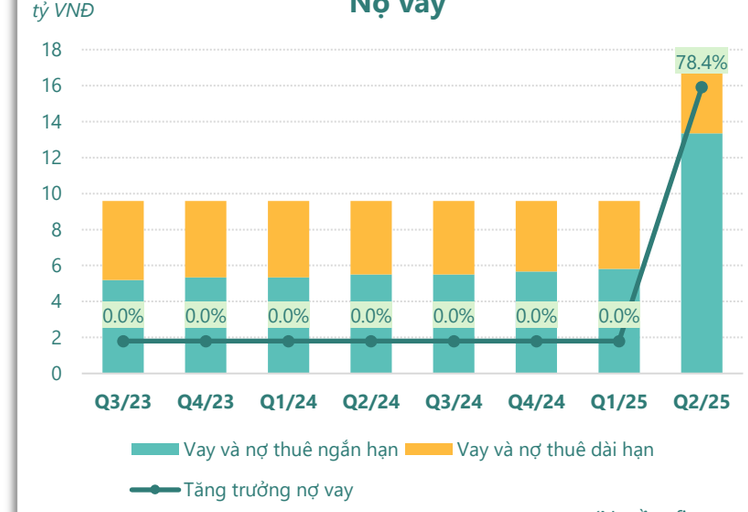
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

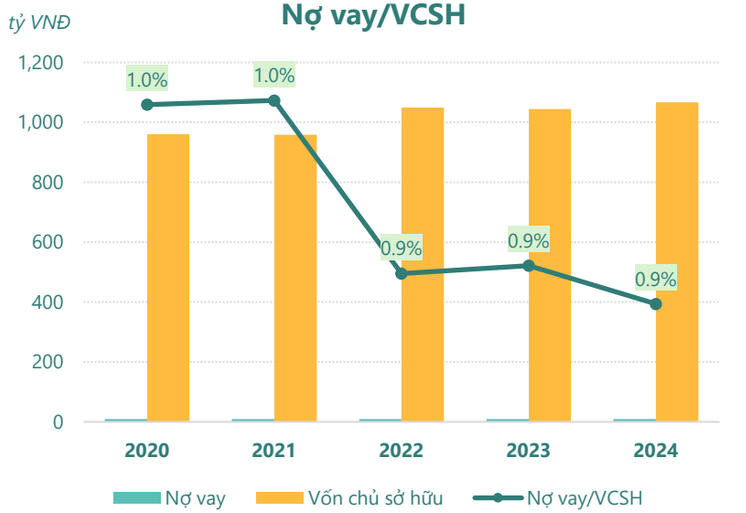
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

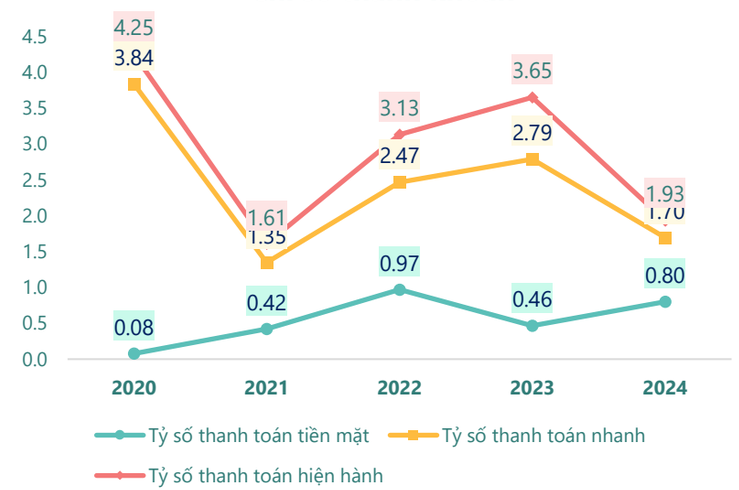
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



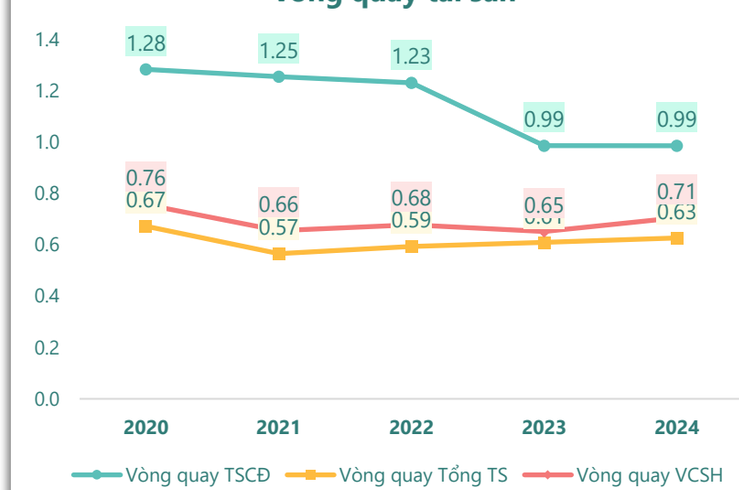
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



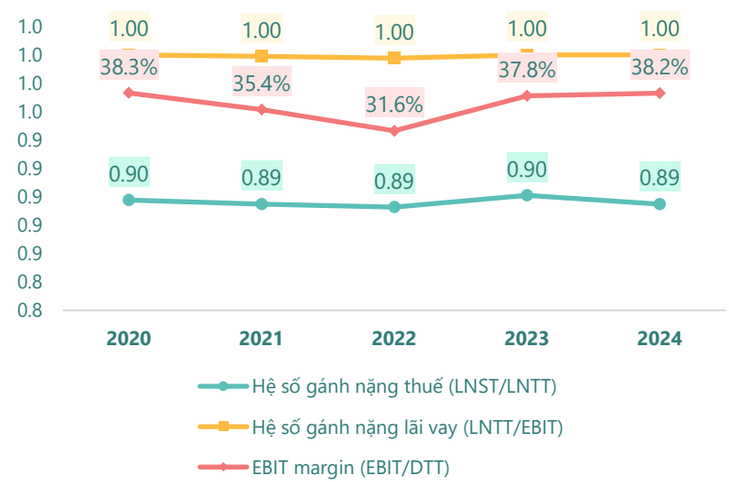
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



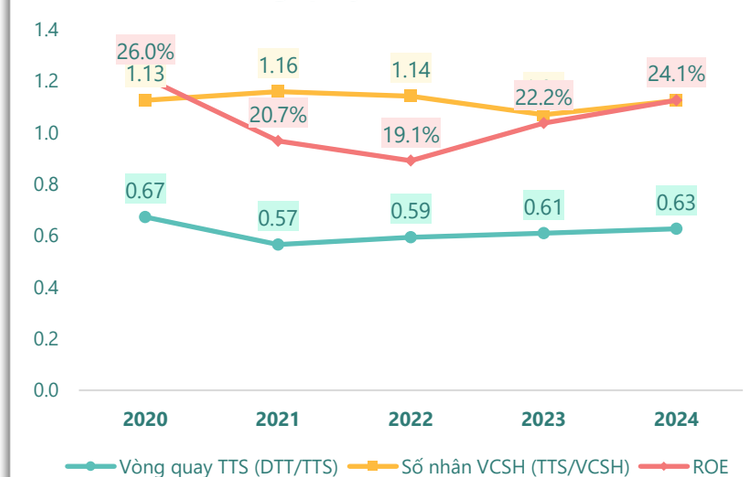
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



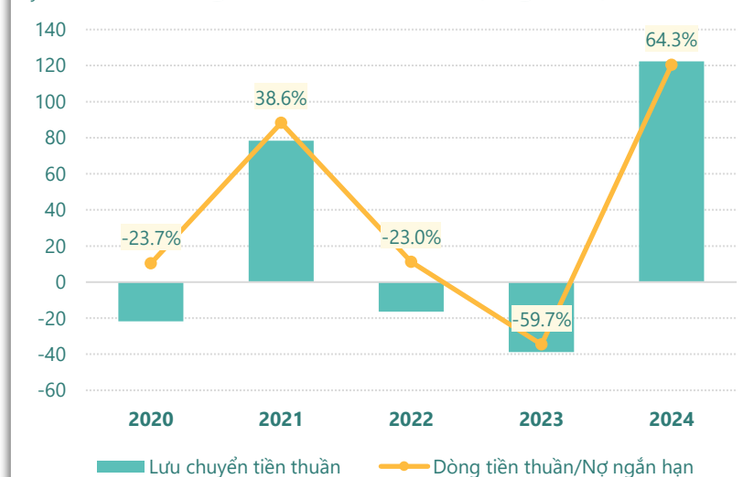
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**191**	**193**	**-0.9%**	**373**	**381**	**-2.0%**
Giá vốn hàng bán	78.7	79.7	-1.2%	158	157	0.9%
Lợi nhuận gộp	113	114	-1.3%	215	224	-4.0%
Doanh thu HĐTC	2.22	2.32	-4.2%	16.6	7.20	130%
Chi phí TC	0.02	0.00		0.02	0	
Chi phí lãi vay	0.02	0.00		0.02	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	25.3	20.3	24.7%	48.8	37.2	31.2%
Chi phí QLDN	**24.2**	**24.0**	**0.9%**	**45.8**	**46.9**	**-2.2%**
LN thuần từ HĐKD	65.2	71.6	-8.9%	137	147	-7.0%
Lợi nhuận khác	**15.6**	**2.98**	**424%**	**17.3**	**2.96**	**483%**
LN trước thuế	80.8	74.6	8.4%	154	150	2.7%
Lợi nhuận sau thuế	**70.5**	**65.5**	**7.7%**	**137**	**133**	**3.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**70.5**	**65.5**	**7.7%**	**137**	**133**	**3.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	102	88.6	65.8	20.3	59.0	63.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.1	1.72	-103	64.0	-31.7	-14.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-83.5	-10.0	-92.0	-94.2
Tiền đầu kỳ	30.3	109	199	78.2	153	87.9
Lưu chuyển tiền thuần	**78.5**	**90.4**	**-121**	**74.4**	**-64.7**	**-45.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	109	199	78.2	153	87.9	42.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,182**	**1,261**	**-6.3%**
Tài sản ngắn hạn	278	367	-24.4%
Tiền và tương đương tiền	42.7	153	-72.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	167	152	9.5%
Phải thu ngắn hạn	20.8	13.6	52.7%
Hàng tồn kho	47.1	45.0	4.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.26	3.97	-93.3%
Tài sản dài hạn	**904**	**894**	**1.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	749	750	-0.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	42.1	42.4	-0.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	55.5	55.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**57.4**	**46.3**	**24.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	98.6	194	-49.2%
Nợ ngắn hạn	**94.8**	**190**	**-50.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.3	5.66	136%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.53	5.21	25.3%
Nợ dài hạn	3.77	3.93	-4.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.77	3.93	-4.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,083**	**1,067**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,083**	**1,067**	**1.5%**
Vốn điều lệ	1,000	1,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)